TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỘC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/8/2024
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Kiên

Bà Nguyễn Thị Tường Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2024/QĐST – HNGĐ ngày 18/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N- sinh năm: 1991;

Nơi ĐKHKTT: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Nơi ở hiện nay: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Ngô Anh H - sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2024, bản tự khai ngày 10/5/2024 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá vào ngày 20/12/2013. Trong quá trình

chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh H chơi bời, không chịu khó làm ăn, nợ nần nhiều, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai từ cuối năm 2023 đến nay. Nay chị Lê Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014 (giới tính: Nữ); Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 (giới tính: Nữ) và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022 (giới tính: Nữ), các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, 03 người con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tại đơn đề nghị về việc không tiến hành hoà giải ngày 02/7/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/8/2024, chị Lê Thị N đề nghị: Hiện nay chị làm công nhân, lương tháng trung bình 8.000.000 đồng. Anh H làm nghề tự do, thu nhập cụ thể như thế nào chị không nắm được. Chị và anh H không có nhà đất, hiện tại chị N ở cùng với bố mẹ đẻ, bố mẹ chị N còn khoẻ mạnh, kinh tế gia đình khá, nhà cửa rộng rãi nhưng vợ chồng anh trai chị N cũng đang ở cùng với bố mẹ, chưa có nhà đất để ở riêng. Anh H hiện tại cũng đang ở cùng với bố mẹ đẻ nhưng các anh, chị của anh H đã có nhà cửa riêng và ở riêng, kinh tế của các anh chị cũng khá giả, kinh tế của bố mẹ anh H cũng khá giả, nhà cửa rộng rãi thoáng mát. Hiện tại chỉ có một mình anh H ở cùng với bố mẹ. Vì vậy, để san sẻ bớt gánh nặng, cũng như bố mẹ ai cũng có trách nhiệm với con cái nên khi ly hôn để đảm bảo cho các con có một cuộc sống tốt nhất, chị N đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Hải Y, chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là và Ngô Minh T và Ngô An Nh. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N và anh H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Ngô Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/8/2024 anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành (nay là thị trấn Vĩnh Lộc), huyện Vĩnh Lộc vào ngày 20/12/2013. Thời gian gần đây anh H có vay nợ một số tiền nhỏ, nên

họ đến đòi nợ và vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã mang các con về nhà bố mẹ đẻ để ở. Anh H vẫn thương yêu vợ con và đối xử tốt với vợ con, nên anh mong muốn vợ con trở về đoàn tụ với gia đình, hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con, anh mong Toà án hoà giải để vợ chồng anh trở về đoàn tụ. Nhưng nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014 (giới tính: Nữ); Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 (giới tính: Nữ) và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022 (giới tính: Nữ), các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Khi ly hôn anh H có nguyện vọng giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, nếu chị N không thể trực tiếp nuôi dưỡng được cả 03 con thì anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con để cho các con được ở cùng nhau không phải tách xa nhau. Anh H và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng: anh H và chị N sẽ cùng nhau nuôi dưỡng các con, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 10/6/2024, UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nơi chị N và anh H đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Lê Thị N, sinh năm 1991 và anh Ngô Anh H, sinh năm 1987 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh T (nay là thị trấn V), huyện V, tỉnh T vào ngày 20/12/2013. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh H sinh sống cùng với anh H và bố, mẹ chồng. Đến cuối năm 2023 chị N về nhà bố mẹ đẻ ở khu phố C, thị tấn V để ở từ đó cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn là gì, chỉ biết hiện nay vợ chồng chị N không ở cùng nhau, chị N đã mang theo con về nhà bố mẹ đẻ để ở. Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H có 03 con chung tên là: Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014, Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022. Từ khi vợ chồng ly thân cả 03 cháu đều theo chị N về nhà ông bà ngoại tại khu phố C, thị trấn V để ở. Nhưng các cháu cũng thường xuyên về nhà ông bà nội ở khu phố T. Về điều kiện kinh tế: Chị Lê Thị N làm công nhân cho Công ty may đóng trên địa bàn xã L, công việc và thu nhập ổn định, nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Anh Ngô Anh H đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Công việc và thu nhập của anh H cụ như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh H, chị N không có nhà đất tại thị trấn V. Quá trình sinh sống tại khu phố T, vợ chồng anh H, chị N và các con ở cùng với mẹ đẻ của anh H là ông Ngô Trung T, bà Phạm Thị G tại nhà của ông T, bà G. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương chị N có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi

cư trú, không vi phạm pháp luật. Anh H năm 2022 có vi phạm pháp luật và bị Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh T xử phạt án treo về tội trộm cắp tài sản. Hiện nay anh H đang phải chấp hành án tại địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa lần thứ 02, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N, xử cho chị được ly hôn anh Ngô Anh H.

Giao con chung là Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014 cho anh Ngô Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

-Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Ngô Anh H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn anh Ngô Anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt

chị N, anh H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh T vào ngày 20/12/2013. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ cuối năm 2023 khi chị N mang con về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị Lê Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ngô Anh H không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh H. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn yêu thương vợ con nên đề nghị được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy các con. Nhưng nếu chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh H không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Ngô Anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H có 03 con chung tên là: Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014 (giới tính: Nữ); Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 (giới tính: Nữ) và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022 (giới tính: Nữ), các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Chị N có nguyện vọng để san sẻ gánh nặng cho nhau cũng như bố, mẹ đều có trách nhiệm với con cái nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Ngô Minh T và Ngô An Nh, giao cho anh Ngô Anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Hải Y. Anh H có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nếu chị N không trực tiếp nuôi dưỡng được cả 03 con thì anh sẽ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con vì anh không muốn tách dời các con. Cháu Ngô Hải Y cũng có nguyện vọng muốn được ở với bố. Đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng của chị N, anh H và cháu Y. Tuy nhiên, xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển về trí lực và thể lực cho các cháu bé, thấy rằng: Từ khi vợ chồng ly thân cả 03 con đều ở cùng với chị N, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nhưng hiện nay chị N không có nhà cửa, đất đai mẹ con chị N đang phải sống nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị N tại khu phố C, thị trấn V. Tuy nhà cửa rộng rãi, bố mẹ chị N còn khoẻ mạnh nhưng vợ chồng anh trai của chị N cũng đang ở cùng với bố mẹ, chưa có nhà đất để ở riêng. Bên cạnh đó anh H cũng không có nhà

đất riêng, hiện tại cũng đang ở cùng với bố mẹ đẻ nhưng các anh, chị của anh H đã có nhà cửa riêng và ở riêng, kinh tế của các anh chị cũng khá giả, kinh tế của bố mẹ anh H cũng khá giả, nhà cửa rộng rãi thoáng mát. Hiện tại chỉ có một mình anh H ở cùng với bố mẹ. Từ khu phố T đến khu phố C khoảng cách cũng gần nhau, các con tuy theo mẹ về nhà ông bà ngoại để ở nhưng các con vẫn thường xuyên về nhà ông bà nội chơi. Chị N và anh H đều có công việc và thu nhập ổn định. Để san sẻ bớt gánh nặng cho nhau, cũng như bố mẹ ai cũng có trách nhiệm với con cái và không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu bé về mọi mặt. Do đó, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là và Ngô Minh T và Ngô An Nh, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Hải Y đến khi các con thành niên (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh H tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lê Thị N, anh Ngô Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh, chị thực hiện quyền này và anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy định tại Điều 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị N, anh Ngô Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 3 Điều 210, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Ngô Anh H.

2. Về con chung:

2.1 Giao 02 con chung là Ngô Minh T – sinh ngày 30/01/2019 (giới tính: Nữ) và Ngô An Nh – sinh ngày 31/5/2022 (giới tính: Nữ) cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Ngô Hải Y – sinh ngày 10/7/2014 (giới tính: Nữ) cho anh Ngô Anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, ngăn cấm anh, chị thực hiện quyền này và anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006094 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Chị N đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

Anh Ngô Anh H không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Lê Thị N và anh Ngô Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang